

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2023/DS-PT**

Ngày: **05 - 01 - 2023**

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng;
Ông Trần Duy Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 328/2022/TLPT-DS ngày 22/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 327/2022/QĐ-PT ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 288/2022/QĐ-PT ngày 23/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Phi H, sinh năm 1981; địa chỉ: Đường V, thôn T, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Châu Đình T, sinh năm 1994; địa chỉ: Đường T, phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Châu Quý Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Đường T, phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi Bản luận cứ bảo vệ cho nguyên đơn.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thúy T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường H, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị Bích C, sinh năm 1987; địa chỉ: Đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Hợp tác xã Vận chuyển hàng hóa và hành khách C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn M; địa chỉ: Đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.2. Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Thành T2; địa chỉ: Thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955; địa chỉ: Đường H, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.4. Ông Trương Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ: Đường H, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Châu Đình T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Phi H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày có nội dung như sau:*

Vào ngày 10/7/2012, ông Lê Phi H có mua 01 chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại Hyundai HB120ESL, biển kiểm soát 47B-003.xx của bà Trần Thị Thúy T1, với số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Vì ông H và bà T1 là chị em nên tin tưởng nhau và chỉ lập 01 giấy bán xe ô tô viết tay với nhau, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và cũng không có đăng ký sang tên đổi chủ theo quy định. Ông H đã giao toàn bộ số tiền trên cho bà T1 và bà T1 có ký xác nhận đã nhận đủ tiền trong giấy mua bán xe chứ không có giấy giao nhận tiền nào khác. Bà T1 đã giao xe cũng như bản chính các giấy tờ liên quan gồm: 01 giấy đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chiếc xe 47B-003.xx cho ông H quản lý, sử dụng từ năm 2012 đến nay.

Sau đó ông H nhiều lần yêu cầu bà T1 làm thủ tục mua bán xe theo quy định của pháp luật nhưng bà T1 không thực hiện. Ông H đã nhận xe, khai thác, quản lý và thu lợi nhuận từ việc kinh doanh xe nên cũng không quyết liệt yêu cầu bà T1 phải thực hiện việc sang tên xe, còn bà T1 cứ né tránh việc làm thủ tục sang tên chiếc xe. Ông Lê Phi H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thúy T1 phải tiếp tục thực hiện việc mua bán chiếc xe 47B-003.xx theo quy định của pháp luật cho ông Lê Phi H. Tuy nhiên đến ngày 03/7/2020, bà Trần Thị Thúy T1 đã dẫn người đến đưa xe về quản lý cho đến nay. Hơn nữa ngày 13/3/2020, bà T1 đã thỏa thuận nợ bà Cao Thị Hợi số tiền 1.815.000.000 đồng theo Quyết định số 20/2020/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố B. Ngày 27/3/2020, Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với chiếc xe 47B-003.xx. Do tài sản đã bị bà T1 chiếm giữ và bị Chi cục thi hành án dân sự kê biên, nên các bên không thể tiến hành thủ tục sang tên hoàn thành việc chuyển nhượng.

Do đó, ông Lê Phi H có đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô 47B-003.xx giữa ông Lê Phi H và bà Trần Thị Thúy T1 là vô hiệu; đồng thời yêu cầu bà T1 phải trả lại cho ông Lê

Phi H số tiền mua xe là 3.000.000.000 đồng và đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật. Về giá trị còn lại tại thời điểm hiện nay của chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.xx, giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất giá trị còn lại là 200.000.000 đồng, nên đề nghị Tòa án không tiến hành định giá chiếc xe trên nữa.

**/ Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Lê Thị Bích C trình bày có nội dung như sau:*

Bà Trần Thị Thúy T1 là chủ sở hữu chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại Hyundai HB120ESL, biển kiểm soát 47B-003.xx, xe đã được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký xe số 013074 ngày 13/01/2012. Bà T1 mua chiếc xe trên để nhằm mục đích kinh doanh vận tải hành khách. Trong quá trình sử dụng, bà T1 không có mua bán, tặng cho chiếc xe trên cho bất cứ ai.

Bà T1 xác định bà không có lập giấy bán xe ô tô cho ông Lê Phi H như giấy mua bán xe ngày 10/7/2012 mà phía nguyên đơn cung cấp. Từ năm 2012 bà T1 nhờ mẹ là bà Nguyễn Thị B quản lý, điều hành chiếc xe trên giúp bà T1, vì xe hoạt động kinh doanh thông qua Hợp tác xã vận tải hàng hóa, giấy tờ xe và các giấy tờ liên quan đều để ở trên xe để lái xe sử dụng khi xe lưu hành. Đến ngày 03/7/2020 thì bà T1 không để cho bà B quản lý xe nữa mà đã lấy xe về quản lý cho đến nay. Hiện nay bà T1 vẫn đang quản lý chiếc xe trên, nhưng khi lấy xe về thì không thấy giấy tờ xe và không biết hiện nay ai là người đang quản lý giấy tờ xe. Trước đây ông Lê Phi H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thúy T1 phải tiếp tục thực hiện việc mua bán chiếc xe 47B-003.xx cho ông Lê Phi H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phi H yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô 47B-003.xx, giữa ông Lê Phi H và bà Trần Thị Thúy T1 là vô hiệu; yêu cầu bà T1 phải trả lại cho ông H số tiền 3.000.000.000 đồng, thì bà T1 không đồng ý, vì: Bà T1 không có mua bán chiếc xe ô tô trên với ông H và cũng không nhận số tiền 3.000.000.000 đồng của ông H; bà T1 cũng không có yêu cầu bồi thường thiệt hại hay bất cứ yêu cầu gì khác. Đối với chiếc xe ô tô này là tài sản riêng của bà T1 trước hôn nhân, không liên quan gì đến chồng bà T1 là ông Trương Văn L, cũng như không liên quan đến người nào khác. Về giá trị còn lại của chiếc xe ô tô khách biển kiểm soát 47B-003.xx tại thời điểm hiện nay, thì giữa bà T1 và ông Lê Phi H thống nhất giá trị còn lại là 200.000.000 đồng, nên đề nghị Tòa án không tiến hành định giá nữa.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn L trình bày như sau:* Ông Trương Văn L và bà Trần Thị Thúy T1 là vợ chồng, bà T1 là chủ sở hữu chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại Hyundai HB120ESL, biển kiểm soát 47B-003.xx. Chiếc xe này là tài sản của bà T1 trước khi kết hôn, vì vậy ông L không liên quan đến việc định đoạt chiếc xe này, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật;

**/ Người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã vận chuyển hàng hóa và hành khách C là ông Phạm Văn M trình bày có nội dung như sau:*

Vào tháng 02/2012, gia đình bà Nguyễn Thị B và ông Trần Hoài P có đơn xin gia nhập Hợp tác xã, mở tuyến xe từ huyện S, tỉnh Đắk Lắk đi thành phố Hồ Chí

Minh, bỏ sung xe vào tuyến chạy nốt tài 19 giờ 30 phút hàng ngày tại hai đầu bến. Sau đó hộ gia đình bà Nguyễn Thị B có gởi hồ sơ xe 47B-00x.xx và 47B-003.xx vào hoạt động, nhưng xe mang tên bà Trần Thị Thúy T1 và Hợp tác xã đã làm các thủ tục nhập xe vào Hợp tác xã. Về tư cách xã viên là hộ gia đình bà Nguyễn Thị B, còn tư cách để làm thủ tục bỏ sung xe là do bà Trần Thị Thúy T1 đứng tên, bà T1 là xã viên Hợp tác xã từ năm 2005. Về điều hành hoạt động vận tải khai thác tuyến do Hợp tác xã điều hành trực tiếp lái xe và nhân viên phục vụ trên xe; về điều hành thực hiện các quy định vận tải và điều lệ Hợp tác xã, nộp thuế, phí... là do ông H và ông P nộp. Nếu trong quá trình hoạt động có việc gì liên quan đến 02 xe ô tô trên, thì hệ thống văn phòng Hợp tác xã và bến xe điều hành ông P và ông H. Năm 2012, có 02 chiếc xe mang tên bà Trần Thị Thúy T1 đăng ký chạy tuyến Ea Súp - Bến xe Miền Đông, đến tháng 01/2020 bà T1 rút cổ phần xin nghỉ việc tại Hợp tác xã. Việc bà Trần Thị Thúy T1 đứng tên chủ sở hữu 2 xe ô tô là 47B-00x.xx và 47B-003.xx là đúng thực tế, còn việc bà đứng tên hộ hay mua bán với ông H, ông P, bà Ph thì hợp tác xã không biết. Đến ngày 16/9/2020 ông Lê Phi H có nhờ Hợp tác xã xác nhận và ông M, đại diện Hợp tác xã có xác nhận: Từ năm 2012 hộ gia đình bà Nguyễn Thị B có ủy quyền cho ông H, ông P chịu trách nhiệm điều hành và nộp các loại phí cho Hợp tác xã và bến xe; ông Lê Phi H chỉ là người điều hành hoạt động của các xe trên tại Hợp tác xã theo sự ủy quyền của bà B.

**/ Người đại diện của Chi cục thi hành án dân sự huyện S là ông Tô Thành T2 trình bày như sau:* Ngày 25/5/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện S nhận được Quyết định ủy thác thi hành án số 112/QĐ-CCTHADS, ngày 25/5/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B, về việc ủy thác thi hành án đối với người thi hành án là bà Trần Thị Thúy T1, địa chỉ: Đường H, phường A, thành phố B. Chi cục thi hành án dân sự huyện S đã ban hành Quyết định thi hành án số 368 để tiếp tục thi hành án đối với bà T1 theo quy định. Đối với chiếc xe ô tô 47B-003.xx được phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ xác định chủ sở hữu là bà Trần Thị Thúy T1, Chi cục thi hành án dân sự đang hoãn thi hành án theo quy định của pháp luật. Đối với chiếc xe trên, Chi cục thi hành án chỉ áp dụng biện pháp tạm dừng đăng kiểm phương tiện. Việc các bên khởi kiện liên quan đến chiếc xe thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày có nội dung như sau:* Bà B là mẹ ruột của bà Trần Thị Thúy T1 và là mẹ vợ của ông Lê Phi H. Bà B xác định chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.xx là của ông Lê Phi H, việc tranh chấp hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.xx giữa ông Lê Phi H và bà Trần Thị Thúy T1 cụ thể như thế nào thì bà không nắm rõ. Tuy nhiên không có việc bà T1 ủy quyền cho bà B quản lý, điều hành chiếc xe ô tô trên và cũng không có việc ông H đưa giấy trắng để bà T1 ký trong quá trình điều hành xe. Bà B là chủ hộ kinh doanh cá thể nên có thể trong quá trình tham gia Hợp tác xã, bà có ký thủ tục ủy quyền cho ông H điều hành xe, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ. Bà B xác định xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.xx là của ông H và ông H là người trực tiếp quản lý, điều hành xe, còn bà B không liên quan gì đến chiếc xe ô tô này và cũng không liên quan gì đến tranh chấp giữa ông H với bà T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 121, 122, 124, 127, 134, 137, 428, 438, 439 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 430, 440, 116, 117, 119, 122, 129, 131 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phi H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.xx lập ngày 10/7/2012, giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H vô hiệu;

Tuyên hợp đồng mua bán xe chiếc ô tô nhãn hiệu THACO; số loại HYUNDAI; Loại xe: Khách; Màu sơn đỏ; Số máy: D6CBB222486; Số khung: 42SBKCC091708; biển kiểm soát 47B-003.xx lập ngày 10/7/2012 giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H vô hiệu;

Bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Phi H số tiền 200.000.000 đồng;

Nguyên đơn ông Lê Phi H có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Trần Thị Thúy T1: 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô biển kiểm soát 47B 003.xx (Bản chính);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Phi H là ông Châu Đình T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên giấy bán xe ô tô ngày 10/7/2012 là giao dịch dân sự vô hiệu khi đã quá thời hiệu yêu cầu là không đúng pháp luật; mặc dù tuyên giao dịch dân sự vô hiệu nhưng lại không áp dụng quy định hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu để giải quyết vụ án; người kháng cáo đề nghị: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phi H, buộc bà Trần Thị Thúy T1 phải trả lại cho ông H số tiền 03 tỷ đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Bản án sơ thẩm đã tuyên hợp đồng mua bán bán xe ô tô giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông Lê Phi H vô hiệu, nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, là không xem xét hết yêu

cầu của nguyên đơn; khi giao dịch vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; ông H đã nhận xe ô tô và sử dụng kinh doanh từ thời điểm mua xe cho đến khi bà T1 lấy lại xe ô tô, tài sản là xe ô tô đã bị khấu hao, giảm sút giá trị, nhưng cấp sơ thẩm không điều tra, thu thập chứng cứ để xác định phần khấu hao, giảm giá trị của chiếc xe ô tô trong thời gian ông H sử dụng, để xác định thiệt hại xảy ra và không xác định lỗi của các bên, để xác định trách nhiệm bồi thường của các bên, là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và giải quyết vụ án chưa triệt để, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Phi H; Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Phi H, xét thấy:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phi H: Giữa ông Lê Phi H và bà Trần Thị Thúy T1 có thỏa thuận và ký “Giấy bán xe ô tô”, ngày 10/7/2012, với nội dung: Bà T1 bán cho ông H 01 chiếc xe ô tô khách (giường nằm), nhãn hiệu: THACO, số loại: HUYNDAI HB120ESL, biển kiểm soát 47B-003.xx, với số tiền hai bên thỏa thuận là 03 tỷ đồng. Hai bên chỉ lập giấy mua bán tay với nhau và không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Sau khi thỏa thuận mua bán, hai bên đã bàn giao xe, giấy tờ liên quan đến xe và tiền cho nhau nhưng và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký, sang tên quyền sở hữu theo quy định. Do có tranh chấp về thỏa thuận mua bán xe ô tô và ông Lê Phi H khởi kiện, nên xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng mua bán không được công chứng, chứng thực theo quy định, đồng thời hiện nay bên bán là bà T1 đã lấy chiếc xe về và xe hiện nay đang bị Cơ quan thi hành án tạm dừng đăng kiểm, nên bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng mua bán vô hiệu là có cơ sở.

[2.2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, xét thấy:

Bản án sơ thẩm đã tuyên hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.xx, theo “Giấy bán xe ô tô” ngày 10/7/2012, giữa bà Trần Thị Thúy T1 và ông

Lê Phi H vô hiệu. Tuy nhiên bản án sơ thẩm không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, là không xem xét hết yêu cầu của nguyên đơn và không đúng pháp luật, bởi lẽ: Nguyên đơn ông Lê Phi H khởi kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán xe ô tô và yêu cầu bà T1 trả lại số tiền mua xe là 03 tỷ đồng; bản án sơ thẩm đã tuyên hợp đồng mua bán xe vô hiệu, thì phải giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật. Đối với bà T1 đã xác định không có việc bà bán xe cho ông H, nhưng bản án sơ thẩm lại nhận định nguyên đơn, bị đơn đều không ai có yêu cầu bồi thường gì khác và cho rằng ông H sử dụng xe, trực tiếp thu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xe và dựa trên ý kiến của ông H và bà T1, để xác định giá trị còn lại của xe ô tô là 200.000.000 đồng. Từ đó, buộc bà T1 trả cho ông H số tiền 200.000.000 đồng và không nhận định, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là không đúng yêu cầu khởi kiện và nội dung tranh chấp.

Khi giao dịch vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; ông H đã nhận xe ô tô và sử dụng kinh doanh từ thời điểm mua xe cho đến khi bà T1 lấy lại xe ô tô (ngày 03/7/2020). Tài sản tranh chấp là chiếc xe ô tô đã bị khấu hao, giảm sút giá trị qua thời gian sử dụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để xác định tỷ lệ khấu hao, giảm giá trị của chiếc xe ô tô trong thời gian ông H sử dụng, để xác định thiệt hại xảy ra, đồng thời phải xác định lỗi của các bên dẫn đến giao dịch vô hiệu, để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại, là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và giải quyết vụ án chưa triệt để, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Mặt khác, đây là vụ án về “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” và bản án sơ thẩm đã tuyên hợp đồng mua bán xe ô tô vô hiệu, nhưng lại buộc ông Lê Phi H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 88.000.000 đồng, về yêu cầu không được chấp nhận là 2.800.000.000 đồng, là không đúng, bởi vì: Tại khoản 2 Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: *“Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận”*; nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền bán xe đã nhận là 03 tỷ đồng, tức là yêu cầu hoàn trả số tiền mua xe đã giao cho bên bán, nhưng bản án sơ thẩm đã tuyên hợp đồng mua bán xe vô hiệu, thì phải xem xét, giải quyết về hậu quả của giao dịch vô hiệu theo quy định của pháp luật, nên đương sự không phải chịu án phí về yêu cầu mà bản án nhận định là không phù hợp.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết vụ án chưa toàn diện và triệt để mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Do hủy bản án sơ thẩm nên sẽ được giải quyết khi vụ án được thụ lý, giải quyết lại.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Phi H.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Phi H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp (do bà Nguyễn Thị B nộp thay) theo Biên lai thu theo tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0021652 ngày 18/10/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình